

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST

Ngày: 04- 08 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhật Chiến

2. Bà Hà Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thu Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 08 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST- KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXX- ST ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12a /2021/QĐST-KDTM ngày 16 /07/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ: Đường N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức D - Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H - Giám đốc chi nhánh Lạng Sơn. Địa chỉ: Đường L, phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Người được ủy quyền lại: Ông Hà Quang Q, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền số 22/2020/GUQ-CNLS, ngày 29/12/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Lạng Sơn), có mặt

- Bị đơn: Ông Dương Văn V (vắng mặt) và bà Trần Thị N (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở: đường L, phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2019, tại bản khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 04 tháng 01 năm 2019 Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N được Ngân hàng chấp thuận cấp khoản tín dụng với số tiền là: 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng chẵn), theo hình thức vay cá nhân, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh, theo Hợp đồng tín dụng số LD1900400036 ngày 04/01/2019 thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Để bảo đảm cho khoản vay Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N tự nguyện thế chấp bằng các giá trị tài sản như sau: 01 giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 22, diện tích: 635,0 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG 842518, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 3/03/2017, cho Ông Dương Văn V (Mảnh đất trống và không có ai sử dụng). Hợp đồng thế chấp số: LD1803900273/A, giao kết ngày 09/02/2018 tại Văn phòng công chứng N. Và 01 giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất số: 96, tờ bản đồ số: 60, diện tích: 91,0 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CI 630482, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 13/09/2017, cho Ông Dương Văn V (Trên mảnh đất là 01 ngôi nhà cấp II - 02 tầng). Hợp đồng thế chấp số: LD1900400036/A, giao kết ngày 04/01/2019 tại Văn phòng công chứng N (Tài sản này đã được giải chấp khỏi ngân hàng từ thời điểm 17/06/2020 theo nhu cầu chuyển nhượng mảnh đất trên của ông V và bà N) và 01 Chiếc xe ô tô con mang nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại GLC300, màu sơn Trắng, số khung: 4KX8GV000999, số máy: 492030781754, biển kiểm soát: 20A-203.37 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027640 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/01/2017. Hợp đồng thế chấp số LD1803900273/B, giao kết ngày 09/02/2018 tại Văn phòng công chứng N.

Trong quá trình sử dụng vốn vay theo thời hạn hợp đồng tín dụng đã ký kết là 12 tháng, Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N có thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng hạn món vay (lãi thanh toán hàng tháng, gốc trả cuối kỳ) theo từng giấy nhận nợ với ngân hàng và ông bà có đề nghị ngân hàng tiếp tục làm thủ tục tái cấp hồ sơ gia hạn thời gian sử dụng vốn tiếp 12 tháng để phục vụ nhu cầu bổ sung vốn kinh doanh và giảm hạn mức vay từ 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng chẵn) xuống còn 2.800.000.000đ (Hai tỷ tám trăm triệu đồng chẵn) theo thỏa thuận thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1900400036 ngày 02/01/2020. Vợ chồng ông V, bà N tiếp tục sử dụng vốn vay và ngày 15/06/2020 Ngân hàng đã tiến hành giải ngân chuyển khoản số tiền vay: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng kể trên và giấy nhận nợ số: LD2016700138 ngày 15/06/2020, lãi suất 9,5%/năm cố định trong suốt thời gian vay, thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, giải ngân trực tiếp vào số tài

khoản: 030045742225, trong quá trình vay vốn món vay 300.000.000 đ kể trên thì vợ chồng ông bà vẫn thanh toán đầy đủ số tiền lãi hàng tháng. Đến thời điểm ngày 17/06/2020 ông bà có nhu cầu chuyển nhượng 01 giá trị quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng tọa lạc tại phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất số: 96, tờ bản đồ số: 60, diện tích: 91,0 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CI 630482, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 13/09/2017, cho Ông Dương Văn V (Trên mảnh đất là 01 ngôi nhà cấp II - 02 tầng) và giảm hạn mức cấp tín dụng từ 2.800.000.000đ (Hai tỷ tám trăm triệu đồng) xuống còn 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn) theo thỏa thuận thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/LD1900400036 ngày 17/06/2020. Ngày 24/06/2020 Ngân hàng đã tiến hành giải ngân chuyển khoản số tiền vay: 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), theo Hợp đồng tín dụng kể trên và giấy nhận nợ số: LD2017600095 ngày 24/06/2020, lãi suất 9,5%/năm trong 3 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất bằng LV12+2.8%/năm. Trong đó: LV12 là lãi suất huy động khách hàng cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng nhận lãi cuối kỳ (tại thời điểm giải ngân lãi suất LV12 = 6,8%/năm), thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, giải ngân trực tiếp vào số tài khoản: 030069206405. Ngày 25/06/2020 Ngân hàng đã tiến hành giải ngân chuyển khoản số tiền vay: 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng kể trên và giấy nhận nợ số: LD2017700041 ngày 25/06/2020, lãi suất 9,5%/năm trong 3 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất bằng LV12+2.8%/năm. Trong đó: LV12 là lãi suất huy động khách hàng cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng nhận lãi cuối kỳ (tại thời điểm giải ngân lãi suất LV12 = 6,8%/năm), thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, giải ngân trực tiếp vào số tài khoản: 030069206405, tất cả các món vay trên đều theo chỉ định của Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N.

Sau khi quan hệ tín dụng được một thời gian Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N có biểu hiện vi phạm Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng. Cụ thể, căn cứ vào Điều 10 (Thời hạn trả nợ) trên Giấy nhận nợ số LD2016700138 ngày 15/06/2020 thì kỳ trả nợ gốc là ngày 15/12/2020 và kỳ trả lãi ngày 25 hàng tháng và Ngày 15/12/2020 Ông Dương Văn V và Bà Trần Thị N không thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn cho ngân hàng theo đúng lịch ghi trên giấy nhận nợ nên ngày 16/12/2020 Phía ngân hàng đã mời đại diện bên vay là Bà Trần Thị N đến làm việc bằng biên bản và bà Trần Thị N cam kết trả nợ đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn ảnh hưởng tới ngân hàng. Tuy nhiên đến thời điểm ngày 25/12/2020 do Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N không thanh toán gốc, lãi món vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) do đó Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi dẫn đến phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng làm ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng cũng như kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng và các món vay đến hạn ngày 24/12/2020 số tiền 900.000.000đ và ngày 25/12/2020 số tiền 1.000.000.000đ ông V và Bà N không thực hiện thanh toán số tiền gốc, lãi cho ngân hàng dẫn đến các món vay kể trên phát sinh quá hạn vào ngày 03/01/2021 và ngày 04/01/2021. Mặc dù cán bộ Ngân hàng rất tích cực đôn đốc, tạo mọi điều kiện để Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N xử lý khoản nợ quá hạn,

tuy nhiên ông V cùng vợ là bà N không có thiện chí trả nợ quá hạn, không thực hiện nghĩa vụ với khoản nợ vay của mình.

Đến ngày 09/03/2021 ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N chưa thanh toán được số tiền vốn gốc và lãi cho ngân hàng. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc đề nghị ông V cùng vợ là bà N trả nợ vay đã quá hạn nhưng Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N không thực hiện, luôn tỏ ra thái độ chây ỳ, không hợp tác, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay thời hạn của Hợp đồng tín dụng số LD1900400036 ngày 04/01/2019 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/LD1900400036 ngày 02/01/2020 và số 02/LD1900400036 ngày 17/06/2020 đã hết thời hạn, tuy nhiên Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N đã thường xuyên vi phạm Hợp đồng, không hợp tác xử lý nợ quá hạn, không có thiện chí trả nợ. Căn cứ điểm (2), khoản 2.1, Điều 2 các điều khoản chung về cấp tín dụng của Hợp đồng tín dụng kể trên. Ngân hàng quyết định khởi kiện Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N để thu hồi nợ vay.

Tính đến hết ngày 09/03/2021 Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N đang còn dư nợ quá hạn tại Ngân hàng cụ thể như sau: Nợ gốc là: 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng); Nợ lãi quá hạn: 74.089.478đ (Bảy mươi tư triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng). Tổng cộng vốn gốc và lãi quá hạn tính đến thời điểm ngày 09/03/2021 là: 2.274.089.478đ (Hai tỷ hai trăm bảy mươi tư triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng)

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 09/03/2021 là: 2.274.089.478đ (Hai tỷ hai trăm bảy mươi tư triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng).

2. Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/03/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số LD1900400036 đã giao kết ngày 04/01/2019 với lãi suất quá hạn là: 150% x lãi suất trong hạn.

3. Trường hợp Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nghĩa vụ nêu trên kính đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 22, diện tích: 635,0 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CG 842518, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS-03108, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/03/2017, cho ông Dương Văn V. Hợp đồng thế chấp số: LD1803900273/A, giao kết ngày 09/02/2018 tại Văn phòng công chứng N, số công chứng: 398,

quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐG, và 01 Chiếc xe ô tô con mang nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại GLC300, màu sơn Trắng, số khung: 4KX8GV000999, số máy: 492030781754, biển kiểm soát: 20A-203.37 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027640 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/01/2017. Hợp đồng thế chấp số LD1803900273/B, giao kết ngày 09/02/2018 tại Văn phòng công chứng N, số công chứng: 397, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐG để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N đối với Ngân hàng TMCP S. Theo như giấy cam kết thế chấp ngày 02/01/2020.

Bị đơn Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N vắng mặt, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa sơ thẩm mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ, tiến hành tổng đạt trực tiếp qua người thân của Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N, niêm yết tại nơi cư trú của ông bà theo địa chỉ Thôn L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và địa chỉ đường L, phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là Báo Công Lý và Đài phát thanh, công thông tin điện tử của Tỉnh Lạng Sơn nhưng do Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N vẫn cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ do đó Tòa án không thể thu thập được lời khai của đương sự tại tòa cũng như tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn T trong biên bản lấy lời khai anh có ý kiến: Anh đã để nhờ 1 số cháu cây cảnh trên đất của Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N, năm 2012 anh có xây 1 cái chuồng lợn và trồng 01 bụi chuối trên đất của Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N. Các tài sản này anh không yêu cầu tòa án giải quyết, anh sẽ tự di dời khi chủ sử dụng đất đòi đất.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Dương Văn V và chị Trần Thị N trả tiền gốc là 2.200.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (04/8/2021) gồm lãi trong hạn là 14.523.000 đồng; lãi quá hạn là 174.829.000 đồng, lãi phạt là 889.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là 2.390.241.000 đồng (hai tỉ ba trăm chín mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng, tính trên nguyên tắc làm tròn số) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thu hồi xong số tiền còn nợ. Nếu anh Dương Văn V và chị Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng tin và chi phí xác minh địa chỉ bị đơn, xác minh tài sản thế chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết chi phí này.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phát biểu quan điểm về việc giải quyết

vụ án như sau: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn đã cố tình trốn tránh giấu địa chỉ, không đến tòa án theo giấy báo, giấy triệu tập của tòa án. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N phải trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/8/2021 là 2.390.241.000 đồng (hai tỉ ba trăm chín mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả xong số tiền còn nợ. Nếu Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký. Án phí Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc một trong những tranh chấp về kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N có địa chỉ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở: đường L, phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi gửi các văn bản tố tụng cho Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N cả 2 địa chỉ trên đều không được Tòa án đã đi xác minh thì được biết Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N đã đi làm ăn xa, gia đình hiện nay không liên lạc được. Khi Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N đi làm ăn xa đã vi phạm điều 7.3 của phần các điều khoản chung về cấp tín dụng, cụ thể đã

không thông báo địa chỉ mới cho ngân hàng biết, hiện nay không ai biết địa chỉ của ông bà ở đâu, không thể liên lạc được với ông bà. Tất cả các văn bản của tòa án đều đã tổng đạt hợp lệ bằng phương thức tổng đạt cho người thân của ông bà, niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin báo đài theo quy định của pháp luật nhưng ông bà vẫn vắng mặt, không đến tòa theo giấy báo, giấy triệu tập của tòa án, như vậy xác định Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N đã trốn tránh giấu địa chỉ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng vắng mặt lần 2 tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về pháp luật áp dụng: Quan hệ vay tài sản giữa Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N và Ngân hàng TMCP S phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng. Thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng vào năm 2020 và thực hiện hợp đồng trong khi Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Tòa án áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi suất để giải quyết vụ án.

[4] Về các hợp đồng đã ký kết: Đối với Hợp đồng tín dụng số LD1900400036 ngày 04/01/2019 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/LD1900400036 ngày 02/01/2020 và số 02/LD1900400036 ngày 17/06/2020; giấy nhận nợ số: LD2016700138 ngày 15/06/2020; giấy nhận nợ số: LD2017600095 ngày 24/06/2020; giấy nhận nợ số: LD2017700041 ngày 25/06/2020 và Hợp đồng thế chấp số: LD1803900273/A và số LD1803900273/B đều giao kết ngày 09/02/2018 tại Văn phòng công chứng N được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với ông Dương Văn V và vợ là bà Trần Thị N đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật khi giao kết, các bên đều tự nguyện khi ký hợp đồng, các điều khoản của hợp đồng đều phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong những hợp đồng này.

[5] Về nội dung tranh chấp: Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP S đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể ngày 15/06/2020 Ngân hàng đã tiến hành giải ngân chuyển khoản số tiền vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng kể trên và giấy nhận nợ số: LD2016700138 ngày 15/06/2020, lãi suất 9,5%/năm cố định trong suốt thời gian vay, thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, giải ngân trực tiếp vào số tài khoản: 030045742225; ngày 24/06/2020 Ngân hàng đã tiến hành giải ngân

chuyển khoản số tiền vay: 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), theo Hợp đồng tín dụng kể trên và giấy nhận nợ số: LD2017600095 ngày 24/06/2020, lãi suất 9,5%/năm trong 3 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất bằng LV12+2.8%/năm. Trong đó: LV12 là lãi suất huy động khách hàng cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng nhận lãi cuối kỳ (tại thời điểm giải ngân lãi suất LV12 = 6,8%/năm), thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, giải ngân trực tiếp vào số tài khoản: 030069206405. Ngày 25/06/2020 Ngân hàng đã tiến hành giải ngân chuyển khoản số tiền vay: 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng kể trên và giấy nhận nợ số: LD2017700041 ngày 25/06/2020, lãi suất 9,5%/năm trong 3 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất bằng LV12+2.8%/năm. Trong đó: LV12 là lãi suất huy động khách hàng cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng nhận lãi cuối kỳ (tại thời điểm giải ngân lãi suất LV12 = 6,8%/năm), thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, giải ngân trực tiếp vào số tài khoản: 030069206405, tất cả các món vay trên đều theo chỉ định của Ông Dương Văn V cùng bà Trần Thị N. Nhưng sau khi quan hệ tín dụng được một thời gian Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N có biểu hiện vi phạm Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng. Cụ thể, căn cứ vào Điều 10 (Thời hạn trả nợ) trên Giấy nhận nợ số LD2016700138 ngày 15/06/2020 thì kỳ trả nợ gốc là ngày 15/12/2020 và kỳ trả lãi ngày 25 hàng tháng và Ngày 15/12/2020 Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N không thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn cho ngân hàng theo đúng lịch ghi trên giấy nhận nợ nên ngày 16/12/2020 Ngân hàng đã mời đại diện bên vay là bà Trần Thị N đến làm việc bằng biên bản và bà Trần Thị N cam kết trả nợ đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn ảnh hưởng tới ngân hàng. Tuy nhiên đến thời điểm ngày 25/12/2020 do Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N không thanh toán gốc, lãi món vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) do đó Ông Dương Văn V cùng vợ bà Trần Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi dẫn đến phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng làm ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng cũng như kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng và các món vay đến hạn ngày 24/12/2020 số tiền 900.000.000đ và ngày 25/12/2020 số tiền 1.000.000.000đ Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N không thực hiện thanh toán số tiền gốc, lãi cho ngân hàng dẫn đến các món vay kể trên phát sinh quá hạn vào ngày 03/01/2021 và ngày 04/01/2021. Mặc dù cán bộ Ngân hàng rất tích cực đôn đốc, tạo mọi điều kiện để Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N xử lý khoản nợ quá hạn, tuy nhiên Ông Dương Văn V cùng vợ là bà Trần Thị N không có thiện chí trả nợ quá hạn, không thực hiện nghĩa vụ với khoản nợ vay của mình. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N phải thanh toán khoản tiền nợ gốc tổng cộng là 2.200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số LD1900400036 ngày 04/01/2019 và các thỏa thuận sửa

đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/LD1900400036 ngày 02/01/2020 và số 02/LD1900400036 ngày 17/06/2020; giấy nhận nợ số: LD2016700138 ngày 15/06/2020; giấy nhận nợ số: LD2017600095 ngày 24/06/2020; giấy nhận nợ số: LD2017700041 ngày 25/06/2020. Hội đồng xét xử xét thấy Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N đã ký vào hợp đồng tín dụng, thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc anh Dương Văn V và chị Trần Thị N phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho ngân hàng là 2.200.000.000 đồng (hai tỉ hai trăm triệu đồng).

[6] Xét yêu cầu anh Dương Văn V chị Trần Thị N trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt (lãi chậm trả) tính đến ngày xét xử 04/8/2021 của Ngân hàng TMCP S Hội đồng xét xử thấy:

[7] Đối với khoản vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng đã ký và giấy nhận nợ số LD2016700138 ngày 15/06/2020, lãi suất 9,5%/năm cố định trong suốt thời gian vay, thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, giải ngân trực tiếp vào số tài khoản: 030045742225, khoản vay này ngày đáo hạn là ngày 15/12/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng vay này Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N chỉ trả lãi hàng tháng, gốc chưa trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/8/2020, thì anh Dương Văn V và chị Trần Thị N còn nợ lãi trong hạn (9,5%/năm) là 1.459.000 đồng; lãi quá hạn ($150\% \times$ lãi trong hạn = 14,25%/năm) là 27.173.000; lãi chậm trả, lãi phạt quá hạn (10 % lãi quá hạn) là 93.000 đồng.

[8] Đối với khoản vay 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), theo Hợp đồng tín dụng kể trên và giấy nhận nợ số: LD2017700041 ngày 25/06/2020, lãi suất 9,5%/năm trong 3 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất bằng LV12+2.8%/năm. Trong đó: LV12 là lãi suất huy động khách hàng cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng nhận lãi cuối kỳ (tại thời điểm giải ngân lãi suất LV12 = 6,8%/năm), thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, giải ngân trực tiếp vào số tài khoản: 030069206405. Khoản vay này ngày đáo hạn là ngày 24/12/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng vay này anh Dương Văn V và chị Trần Thị N chỉ trả lãi hàng tháng, gốc chưa trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 4/8/2020, thì ông Dương Văn V và bà Trần Thị N còn nợ lãi trong hạn (8,5%/năm) là 6.078.000 đồng; lãi quá hạn ($150\% \times$ lãi trong hạn = 12,75%/năm) là 70.108.000 đồng; lãi chậm trả, lãi phạt quá hạn (10 % lãi trong hạn) là 371.000 đồng;

[9] Đối với khoản vay 1000.000.000đ (một tỉ đồng), theo Hợp đồng tín dụng kể trên và giấy nhận nợ số: LD2017700041 ngày 25/06/2020, lãi suất 9,5%/năm trong 3 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất bằng LV12+2.8%/năm. Trong đó: LV12 là lãi suất huy động khách hàng cá nhân

VND kỳ hạn 12 tháng nhận lãi cuối kỳ (tại thời điểm giải ngân lãi suất LV12 = 6,8%/năm), thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng, giải ngân trực tiếp vào số tài khoản: 030069206405, khoản vay này ngày đáo hạn là ngày 25/12/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng vay này ông Dương Văn V và bà Trần Thị Nga chỉ trả lãi hàng tháng, gốc chưa trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 4/8/2020, thì anh Dương Văn V và chị Trần Thị N còn nợ lãi trong hạn (8,5%/năm) là 6.986.000 đồng; lãi quá hạn ($150\% \times \text{lãi trong hạn} = 12,75\%/năm$) là 77.548.000 đồng; lãi chậm trả, lãi phạt quá hạn (10 % lãi trong hạn) là 425.000 đồng;

[10] Tổng số tiền lãi anh Dương Văn V và chị Trần Thị N còn nợ Ngân Hàng tính đến ngày 04/8/2021 là 190.241.000 đồng (một trăm chín mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng) yêu cầu tính lãi như trên của ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận tự nguyện của các đương sự tại Hợp đồng tín dụng, mục 2.5, 2.6 của phụ lục hợp đồng, giấy nhận nợ và Điều 8 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân tối cao; khoản 2 điều 9 Luật các tổ chức tín dụng, điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh Dương Văn V và chị Trần Thị N phải liên đới trả cho ngân hàng tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lại phạt (chậm trả) tính đến ngày xét xử (04/8/2021) là 190.241.000 đồng (một trăm chín mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng).

[11] Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N là vợ chồng, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân, lúc vay tiền ngân hàng thì cả ông Dương Văn V và bà Trần Thị N cùng tự nguyện ký vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các giấy tờ có liên quan nên buộc ông Dương Văn V và bà Trần Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

[12] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (04/8/2021) cho đến khi thi hành xong, ông Dương Văn V và bà Trần Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng, giấy nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về lãi xuất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự. Khi ông Dương Văn V và bà Trần Thị N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP S có trách nhiệm hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy đăng ký xe ô tô cho ông Dương Văn V và bà Trần Thị N.

[13] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản tiền vay ông Dương Văn V và bà Trần Thị N đã tự nguyện thế chấp bằng các giá trị tài sản như sau: 01 giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là thừa

đất số: 9, tờ bản đồ số: 22, diện tích: 635,0 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG 842518, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/03/2017, cho ông Dương Văn V, Hợp đồng thế chấp số: LD1803900273/A, giao kết ngày 09/02/2018 tại Văn phòng công chứng N. Và 01 giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất số: 96, tờ bản đồ số: 60, diện tích: 91,0m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CI 630482, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 13/09/2017, cho Ông Dương Văn V (Trên mảnh đất là 01 ngôi nhà cấp II - 02 tầng). Hợp đồng thế chấp số: LD1900400036/A, giao kết ngày 04/01/2019 tại Văn phòng công chứng N. (Tài sản này đã được giải chấp khỏi ngân hàng từ thời điểm 17/06/2020 theo nhu cầu chuyển nhượng mảnh đất trên của Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N). Và 01 Chiếc xe ô tô con mang nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại GLC300, màu sơn Trắng, số khung: 4KX8GV000999, số máy: 492030781754, biển kiểm soát: 20A-203.37 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027640 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/01/2017. Hợp đồng thế chấp số LD1803900273/B, giao kết ngày 09/02/2018 tại Văn phòng công chứng N. Hợp đồng thế chấp số LD1803900273/A và Hợp đồng thế chấp số LD1803900273/B giao kết ngày 09/02/2018, đã qua công chứng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đều tự nguyện khi ký hợp đồng, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các điều 317, 318, 319, 320, 321, 322 Bộ luật Dân sự. Theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng thế chấp, nếu bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp được xử lý để thu hồi nợ. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 299, Điều 303, Điều 317 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Tòa án đã đi xác minh tài sản đã thế chấp gồm quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số: 22 tại Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 20A-203.37 nêu trên đều thuộc quyền sử dụng, quản lý, sở hữu của ông Dương Văn V và bà Trần Thị N, hiện nay các tài sản thế chấp này chưa có giao dịch chuyển nhượng, mua bán, tặng cho, thừa kế cho chủ sở hữu khác vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng TMCP S đưa ra là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[14] Đối với các tài sản có trên đất thế chấp là các cây mọc tự nhiên gồm 01 cây thông, 01 cây xoan, các cây bụi, cây tạp. Các tài sản này ngân hàng không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xem xử không xem xét.

[15] Đối với các tài sản bao gồm 1 số chậu cây cảnh, 01 chuồng lợn, 01 bụi chuối do Anh Hoàng Văn T sử dụng nhờ đất của ông Dương Văn V và bà Trần Thị N, các tài sản này Anh Hoàng Văn T không yêu cầu giải quyết, anh sẽ tự

nguyên di dời các tài sản trên khi chủ sử dụng đất yêu cầu. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Về chi phí tố tụng gồm chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là báo Công lý, Đài phát thanh, cổng thông tin điện tử của Lạng Sơn, chi phí đi xác minh tài sản, xác minh địa chỉ bị đơn tại Thái Nguyên và tại huyện Lộc Bình tỉnh Lạng Sơn tổng cộng hết 7.500.000 đồng. Chi phí tố tụng này ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ, ngân hàng không đề nghị giải quyết chi phí tố tụng này nên Hội đồng xét xử không xem xét (Ngân hàng đã nộp đủ chi phí tố tụng).

[17] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Dương Văn V và chị Trần Thị N phải chịu án phí án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[18] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 299, Điều 303. Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 463, 466 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 9; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 8 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân tối cao;

1. Về nghĩa vụ trả nợ

1.1. Buộc ông Dương Văn V và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (04/8/2021) là 2.390.241.000 (hai tỉ ba trăm chín mươi triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn đồng) trong đó số tiền nợ gốc 2.200.000.000 đồng (hai tỉ hai trăm triệu đồng);

lãi trong hạn 14.523.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng); lãi quá hạn 174.829.000 đồng (một trăm bảy mươi tư triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng), lãi phạt, lãi chậm trả là 889.000 đồng (tám trăm tám mươi chín nghìn đồng).

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (04/8/2021) cho đến khi thi hành xong, Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng, giấy nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về lãi xuất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự .

1.3 Khi Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP S có trách nhiệm hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG 842518, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 3/03/2017 và giấy đăng ký xe ô tô số 027640 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/01/2017 cho ông Dương Văn V và bà Trần Thị N.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Dương Văn V và bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là giá trị quyền sử dụng đất tại Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 22, diện tích: 635,0 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CG 842518, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS-03108, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/03/2017, cho ông Dương Văn V theo Hợp đồng thế chấp số: LD1803900273/A, giao kết ngày 09/02/2018 tại Văn phòng công chứng N, số công chứng: 398, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐG, và 01 Chiếc xe ô tô con mang nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại GLC300, màu sơn Trắng, số khung: 4KX8GV000999, số máy: 492030781754, biển kiểm soát: 20A-203.37 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027640 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/01/2017 theo Hợp đồng thế chấp số LD1803900273/B, giao kết ngày 09/02/2018 tại Văn phòng công chứng N, số công chứng: 397, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐG để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Dương Văn V và bà Trần Thị N phải liên đới chịu 79.805.000 đ (bảy mươi chín triệu tám trăm linh năm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 38.740.000 đồng (ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số AA/2016/2761 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (khi án có hiệu lực PL);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Thịnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Thịnh

Nghị án kết thúc vào hồi giờ ngày/...../2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe, nhất trí và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Thịnh

Việc thảo luận kết thúc vào hồi giờ ngày/...../2021

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe, nhất trí và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Thịnh

